

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ KHU VỰC II

*
CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Học viện Chính trị khu vực II công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2026 như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm			Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2026	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 6 tháng so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
		Tổng số	Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán giao năm 2026			
1	2	3			4	5	6
I	Nguồn ngân sách trong nước	127.596	656	126.940	42.696	33,46	116,19
	<i>Trong đó: Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết 173/NĐ-CP</i>	4.212	-	4.212	-		
	<i>Dự toán được sử dụng</i>	123.384	656	122.728	42.696	34,60	116,19
1	Chi quản lý hành chính	-	-	-	-		
	<i>Trong đó: Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết 173/NĐ-CP</i>	-					
	<i>Dự toán được sử dụng</i>	-					
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	-					
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	-					
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	2.140	-	2.140	810	37,85	103,45
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	2.140	-	2.140	810	37,85	103,45
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ	-					
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ	2.140	-	2.140	810	37,85	103,45
	<i>Nghiên cứu cơ bản (Loại 100-101)</i>	2.140		2.140	810	37,85	103,45
	<i>Nghiên cứu ứng dụng (Loại 100-102)</i>	-					
	<i>Phát triển công nghệ, phát triển giải pháp xã hội (100-103)</i>	-					

	Hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ (loại 100-106)	-					
	Khoa học và công nghệ khác (Loại 100-108)	-					
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-					
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	-					
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo	-					
-	Nhiệm vụ chuyển đổi số	-					
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	124.756	656	124.100	41.536	33,29	113,60
	<i>Trong đó: Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết 173/NĐ-CP</i>	4.167	-	4.167	-		
	<i>Dự toán được sử dụng</i>	120.589	656	119.933	41.536	34,44	113,60
	- Kinh phí thường xuyên giao tự chủ						
	- Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ						
3.1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo (Loại 070-081)						
	<i>Trong đó: Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết 173/NĐ-CP</i>						
	<i>Dự toán được sử dụng</i>						
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ						
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ						
3.2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo (Loại 070-082)						
	<i>Trong đó: Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết 173/NĐ-CP</i>						
	<i>Dự toán được sử dụng</i>						
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ						
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ						
3.3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo (Loại 070-083)	124.256	656	123.600	41.514	33,41	113,60
	<i>Trong đó: Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết 173/NĐ-CP</i>	4.167		4.167			
	<i>Dự toán được sử dụng</i>	120.089	656	119.433	41.514	34,57	113,60
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	656	656		656	100,00	
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	123.600		123.600	40.858	33,06	113,60
3.4	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo (Loại 070-085)	500	-	500	22	4,40	
	<i>Trong đó: Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết 173/NĐ-CP</i>	-		-	-		
	<i>Dự toán được sử dụng</i>	500		500	22	4,40	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-					
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	500		500	22	4,40	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	-					
5	Chi bảo đảm xã hội	-					
6	Chi hoạt động kinh tế	700	-	700	350	50,00	
	<i>Trong đó: Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết 173/NĐ-CP</i>	45		45			

SAN 12
C VI
NH T
U V
TRI QU

	<i>Dự toán được sử dụng</i>	655		655	350	53,44	
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-					
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	700		700	350	50,00	

20/

Ngày 03 tháng 7 năm 2026

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Tấn Vinh

